TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUẾ SƠN** **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: **204**/2020/HNGĐ-ST. Ngày: 30-9-2020. V/v: "Ly hôn và tranh chấp nuôi con".	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẾ SƠN, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Thể.

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Bà Trần Thị Ba.

+ Ông Phạm Đình Bảy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Yến, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 135/2020/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2020 về việc "*Ly hôn và tranh chấp nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 76/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 86/2020/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị Xuân T, sinh năm 1994. Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Đinh Hữu S, sinh năm 1991. Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn P, xã Q, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 30/6/2020, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn – Chị Phạm Thị Xuân T trình bày: Chị và anh Đinh Hữu S tổ chức xây dựng gia đình năm 2014, được Ủy ban nhân dân xã B, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 49 ngày 08/9/2014. Việc kết hôn là tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh S ăn chơi, không quan tâm đến gia

đình, vợ con và đánh đập chị nhiều lần. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn và không thể tiếp tục chung sống với nhau nên chị yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung tên Đinh Phạm Th, sinh ngày 30/3/2015 và Đinh Phạm L, sinh ngày 03/7/2017. Chị có nguyện vọng nuôi hai con và không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Ngoài ra, chị T không có trình bày và yêu cầu gì thêm.

Bị đơn anh Đinh Hữu S: Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh S đều vắng mặt nên Tòa án không thể lấy lời khai, mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải được. Vì vậy, anh S không có ý kiến về nội dung vụ án và vắng mặt tại phiên tòa.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn không có mặt tại các phiên hòa giải và tại phiên tòa là vi phạm quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Xuân T. Chị T được ly hôn với anh S và giao 02 con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nơi cư trú của anh Đinh Hữu S tại Thôn P, xã Q, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam; chị T yêu cầu ly hôn và nuôi con chung. Vì vậy, quan hệ pháp luật giải quyết là *"Ly hôn và tranh chấp về nuôi con"* thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm, do đó Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh S tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam ngày 08/9/2014 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 49/2014 nên đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Sau khi kết hôn, chị T và anh S sống hạnh phúc được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Theo chị T nguyên nhân là do anh S ham chơi, không quan tâm đến gia đình, vợ con và đánh đập chị nhiều lần. Năm 2016, chị đã làm làm đơn xin ly hôn nhưng vì thương con nên chị rút đơn; tuy nhiên đến nay anh S vẫn không thay đổi, chị nhận thấy không thể tiếp tục chung sống với anh S được nữa. Vì vậy, chị yêu cầu được ly hôn.

Theo biên bản xác minh ngày 03/7/2020 của Hội liên hiệp phụ nữ xã Quế Thuận thì địa phương không rõ nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị T và anh S. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh S đều vắng mặt không có lý do, không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, chị T vẫn cương quyết ly hôn. Điều này cho thấy, mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng giữa chị T và anh S đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu ly hôn của chị T là có căn cứ và áp dụng các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T.

[3] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Trong thời gian chung sống, chị T và anh S có 02 con chung tên Đinh Phạm Th, sinh ngày 30/3/2015 và Đinh Phạm L, sinh ngày 03/7/2017. Chị T có nguyện vọng nuôi dưỡng hai con và không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

Chị T trình bày, vợ chồng đã có nhà riêng và hiện nay 02 con chung đang do anh, chị chăm sóc, nuôi dưỡng. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh S đều vắng mặt, không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Mặc khác, 02 cháu đều là con gái nên cần rất nhiều ở sự chăm sóc của người mẹ. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi và sự phát triển về mọi mặt của các cháu, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, xử giao cháu Nhi và cháu Đan cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp.

Chị T không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Không có nên không đề cập.

[6] Về án phí: Chị Phạm Thị Xuân T phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản

5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Xuân T về việc: *"Ly hôn và tranh chấp về nuôi con"*.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Phạm Thị Xuân T và anh Đinh Hữu S.

2. Về con chung: Giao cháu Đinh Phạm Th, sinh ngày 30/3/2015 và Đinh Phạm L, sinh ngày 03/7/2017 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên *(đủ 18 tuổi)*. Anh Đinh Hữu S không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh S có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung; không ai được cản trở. Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị Xuân T phải chịu 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp là 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng theo biên lai thu tiền số 0001580 ngày 30/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện Quế Sơn;
- Chi cục THADS huyện Quế Sơn;
- UBND xã B, huyện Thăng Binh (Giấy CNKH số 49 ngày 08/9/2014) ;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, án văn;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Võ Văn Thể